TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 30-8-2017
V/v: Hôn nhân và gia đình
(Xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các thẩm phán: Bà Phùng Thị Ương

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Cao Bằng G - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về Hôn nhân và gia đình (Xin ly hôn).

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 106/2017HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngô Tr G . Sinh năm 1982.

Trú tại: Tổ 16, phường X, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Vũ Th T. Sinh năm 1984.

Trú tại: Tổ 16, phường X, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hoàng Thị Liên – Văn phòng luật sư Mai Anh Giáp - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đinh K O

Trú tại: Khu A, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt).

- *Người kháng cáo:* bị đơn Vũ Th T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/8/2016 và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ngô Tr G trình bày: Anh cùng chị T tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Cao Bằng.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên, có xô xát nhưng không đánh đập nhau. Từ tháng 2/2015 vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Anh G xác định không còn tình cảm gì đối với chị T, yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 (hai) con chung tên là: Ngô G H, sinh ngày 26/2/2009 (Giới tính: Nữ) và Ngô Đ N, sinh 07/6/2014 (Giới tính: Nữ). Khi ly hôn anh G đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành, yêu cầu chị T đóng góp phí tổn nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 1.200.000đ/1 cháu, hai cháu là 2.400.000đ/tháng. Nếu chị T nuôi 02 con thì anh G sẽ đóng góp cho chị T mỗi tháng 1.200.000đ/1 cháu và hỗ trợ tiền học hành của các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn Vũ Th T xác nhận về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống và có con chung, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, tình trạng không khắc phục được mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 2/2015 đến nay như anh G trình bày là đúng

nhưng cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh G có quan hệ chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác.

Chị cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì chị phải lo toan gia đình, chăm sóc con cái nên không có thời gian dành cho chồng. Nay chị T xác định tình cảm vẫn còn, mong muốn đoàn tụ cùng anh G xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung.

Trường hợp ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu anh G đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng là 1.200.000đ/ 1 cháu.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu anh G phải chia tài sản chung của vợ chồng cho chị với số tiền là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) nhưng chị T không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và cũng không làm các thủ tục khác theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Mẹ đẻ anh G là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đinh K O trình bày: Bà có thửa đất ở số 240, tờ bản đồ số 13-d-II, diện tích 70,5m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 832813 do UBND thành phố Cao Bằng cấp ngày 06/10/2006 tại tổ 16, phường X, thành phố Cao Bằng. Năm 2008 bà đã đồng ý cho vợ chồng anh G làm nhà ở trên đất của bà, khi làm nhà bà cho vợ chồng anh 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), chị T bỏ ra 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) để xây 01 ngôi nhà 2 tầng với diện tích khoảng hơn 100m². Nếu vợ chồng anh G ly hôn thì chỉ được chia tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà trên đất của bà, còn đất phải trả lại cho bà.

Vụ án đã được hoà giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 106/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ngô Tr G. Anh Ngô Tr G được ly hôn với chị Vũ Th T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao 02 cháu Ngô G H - sinh ngày 26/9/2009 (Giới tính: Nữ); cháu Ngô Đ N- Sinh 07/6/2014 (Giới tính: Nữ) cho chị Vũ Th T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

3. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ngô Tr G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ/tháng/ cháu cho đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017 bị đơn Vũ Th T có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Vũ Th T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo: nhất trí ly hôn với anh Ngô Tr G. Về con chung chị đề nghị mỗi người nuôi một cháu, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản: yêu cầu Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho chị.

Sau khi được toà án giải thích pháp luật, các đương sự tự thoả thuận được với nhau việc giải quyết vụ án và đề nghị hội đồng xét xử công nhận như sau:

- Về hôn nhân : Hai anh chị thuận tình ly hôn;

-Về con chung: Anh G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô G H, chị T trực tiếp nuôi cháu Ngô Đ N đến tuổi trưởng thành. Hai anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng.

-Về tài sản chung: anh G nhất trí thanh toán cho chị T 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) công sức đóng góp của chị khi xây ngôi nhà trên đất của mẹ anh. Thời hạn thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm.

-Về quyền lưu cư: Bà O, chị T và anh G thống nhất cho chị T lưu cư 6 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm tại ngôi nhà trên thửa đất số 240 tờ bản đồ số 13-d-II tại tổ 16 phường X, thành phố Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Anh Ngô Trường Tr G và chị Vũ Th T kết hôn hợp pháp năm 2008, đến 2014 xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2015 cho đến nay. Ngày 06 tháng 4 năm 2016 anh G có đơn xin ly hôn với chị T, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng chấp nhận cho anh G ly hôn với chị T. Ngày 03 tháng 7 năm 2017 chị T kháng cáo không nhất trí bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà hôm nay chị T thay đổi nội dung kháng cáo, các đương sự đã tự nguyện thoả thuận việc giải quyết vụ án. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, công nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Tr G và chị Vũ Th T kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố Cao Bằng, quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Ngô G H và cháu Ngô Đ N, đến năm 2014 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh G và chị T trình bày không thống nhất nhưng từ khi sống ly thân tháng 2/2015, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và từ sau khi án sơ thẩm xử đến nay chị T không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Án sơ thẩm xử cho anh G ly hôn chị là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm, chị T thay đổi nội dung kháng cáo, hai anh chị thuận tình ly hôn nên cần ghi nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa sơ thẩm hai anh chị cũng đã thỏa thuận cho chị T nuôi 02 người con chung là cháu Ngô G H sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009 và cháu Ngô Đ N sinh ngày 07 tháng 6 năm 2014 đến tuổi trưởng thành, anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.200.000đ/tháng; Tại phiên toà phúc thẩm, anh chị tự thoả thuận mỗi người nuôi một cháu đến tuổi trưởng thành không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp nên cấp phúc thẩm ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Tại cấp sơ thẩm, anh G không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị T có yêu cầu chia tài sản chung với mức 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) nhưng chị không nộp tạm ứng án phí chia tài sản; cấp sơ thẩm không giải quyết chia tài sản chung là đúng pháp luật.

Theo bà O và anh G trình bày hiện nay đang phải trả khoản nợ ở Ngân hàng do hai vợ chồng anh vay từ năm 2013 để làm ăn nay còn 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền gốc ở Ngân hàng, chưa tính các khoản vay bên ngoài. Tuy nhiên, anh G và chị T nhất trí thanh toán cho chị khoản tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) là giá trị ngôi nhà xây và đề nghị toà án công nhận. Thoả thuận này không trái pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho mẹ con chị T nên được công nhận.

[4] Về quyền lưu cư: Tại phiên toà phúc thẩm bà O mẹ anh G và hai anh chị thống nhất cho chị T lưu cư tại ngôi nhà xây trên thửa đất số 240, tờ bản đồ số 13-d-II tại tổ 16 phường X, thành phố Cao Bằng là thoả thuận đảm bảo quyền lợi cho mẹ con chị T, cần được ghi nhận.

[5] Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên cho thấy có đủ căn cứ công nhận sự thoả thuận của các đương sự và chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Tr G và chị Vũ Th T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh G và chị T. Anh Ngô Tr G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô G H sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009; chị Vũ Th T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Đ N sinh ngày 07 tháng 6 năm 2014 đến tuổi trưởng thành. Hai anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh G tự nguyện thanh toán cho chị T một khoản tiền công sức đóng góp vào tài sản chung là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm. Hết thời hạn trên, nếu anh G không trả được sẽ phải chịu lãi suất chậm trả của số tiền còn phải thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

4. Về quyền lưu cư: Công nhận sự thoả thuận của bà O, anh G và chị T. Chị T được lưu cư tại ngôi nhà xây 2 tầng trên thửa đất số 240, tờ bản đồ số 13-d-II tại tổ 16 phường X, thành phố Cao Bằng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 832813 do UBND thành phố Cao Bằng đã cấp cho bà O trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm. Trong thời gian lưu cư chị T có nghĩa vụ đảm bảo giá trị sử dụng của ngôi nhà và tài sản gắn liền với ngôi nhà.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí: chị Vũ Th T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2016/0000144 ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và được khấu trừ khi thi hành án.

- Chị Vũ Th T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch của giá trị tài sản chung được chia là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Anh Ngô Tr G và chị Vũ Th T không phải chịu án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh;*
- *CCTHADS thành phố Cao Bằng;*
- *TAND thành phố Cao Bằng;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Hợp